

Số: 102/CBTT-VNC  
V/v: Công bố thông tin

Hải Dương, ngày 8 tháng 6 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Công ty: Cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam
2. Mã chứng khoán: VRG
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 12 Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
4. Điện thoại: (0220) 3838028 Fax: (0220) 3838024
5. Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Ngọc Thảo
6. Loại thông tin công bố: Thông tin bất thường 24h
7. Nội dung của thông tin công bố: Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty cổ phần PTĐT và KCN cao su Việt Nam.
8. Địa chỉ Website đăng tải: <http://vinaruco.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**



**Phạm Ngọc Thảo**

Số: 04/QĐ-ĐHĐCĐ

Hải dương, ngày 08 tháng 6 năm 2018

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty  
của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 19/6/2006 và Luật chứng khoán sửa đổi, bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn liên quan;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/6/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam (*chi tiết theo bản Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đính kèm*).

**Điều 2:** Quy chế này thay thế cho Quy chế tạm thời về quản trị Công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 183/QĐ-HĐQT ngày 28/11/2013 của Hội đồng quản trị Công ty.



**Điều 3:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, Ban Công ty và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tập đoàn Công nghiệp cao su VN (B/c);
- Website Công ty;
- Lưu: VT, VP.HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phạm Trung Thái**





**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04/2018/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018  
của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty)

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và khu công nghiệp Cao su Việt Nam,

**Chương I:**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1: Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng nhằm đảm bảo cho Công ty được điều hành và kiểm soát theo những nguyên tắc, quy định pháp luật về quản trị Công ty đại chúng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty, giảm thiểu rủi ro cho Công ty.
2. Quy chế có phạm vi điều chỉnh đối với toàn bộ hệ thống Công ty và toàn bộ cổ đông của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam.

**Điều 2: Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt:**

Trong Quy chế này, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

a. "Công ty" có nghĩa là Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam. Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0800300443 do Sở KHĐT tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 04/10/2005, thay đổi lần thứ 6 ngày 19/7/2012;

b. "ĐHĐCĐ" có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;

c. "HĐQT" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;

d. "BKS" có nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty;

e. "Người điều hành doanh nghiệp" bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định của Điều lệ Công ty.



f. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

g. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.

h. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc cổ đông lớn của công ty.

### **Điều 3: Các nguyên tắc quản trị cơ bản của Công ty**

- Là hệ thống các văn bản quy định nguyên tắc làm việc, trình tự thủ tục nhằm bảo đảm cho công ty được điều hành, kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
2. Công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty;
3. Đảm bảo một cơ chế quản trị, điều hành Công ty hiệu quả;
4. Tôn trọng và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông;
5. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
6. Ngăn ngừa xung đột lợi ích;
7. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

## **Chương II:**

### **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông:**

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều 12 và Điều 13 Điều lệ Công ty, ngoài ra cổ đông có các quyền sau:

a. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền, nghĩa vụ gắn liền với loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua;

c. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt

động sản xuất kinh doanh của Công ty do Công ty công bố theo quy định.

d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (nếu có);

e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, quyết định của HĐQT vi phạm pháp luật, Điều lệ hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản, trọng yếu của cổ đông hoặc Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp

3. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 5: Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, bất thường và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:**

1. Công ty tiến hành trình tự, thủ tục triệu tập họp, tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều này và Điều lệ Công ty.

a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;

b. Thông báo triệu tập họp, chương trình họp ĐHĐCĐ;

c. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ;

d. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ (cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu);

e. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ;

f. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ;

g. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ theo quy định;

h. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (Nội dung quy chế nội bộ về quản trị công ty bao gồm: quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản);

i. Các vấn đề khác.

2. Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán và trên Website của Công ty.

3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có



quyền tham dự họp ĐHĐCĐ đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và trên Website của Công ty, Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc.

Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ được gửi cho các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ và/hoặc đăng trên Website của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ Website để các cổ đông có thể tiếp cận.

#### 4. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ:

a. Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức sau: gửi Giấy xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ đến Công ty, xác nhận với người được ghi tên thay mặt Công ty tiếp nhận xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ trên thông báo mời họp qua điện thoại, thư điện tử hoặc fax như được nêu tại thông báo mời họp;

b. Nếu cổ đông không thể tham dự họp ĐHĐCĐ thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đăng trên Website của Công ty hoặc được đính kèm theo thông báo mời họp. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền (bản gốc) cho Công ty trước khi vào phòng họp;

c. Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông cho các cổ đông có quyền dự họp có mặt;

d. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

#### 5. Thẻ thức biểu quyết thông qua các nội dung của cuộc họp:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông, đại diện theo ủy quyền hoặc người được ủy quyền dự họp, tùy từng trường hợp, có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Tất cả các cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự họp được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ;

b. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa Đại hội. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa Đại hội;



c. Cách thức biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

+) Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu: Các nội dung biểu quyết được ghi trong thẻ biểu quyết sẽ được cổ đông, đại diện theo ủy quyền hoặc người được ủy quyền dự họp của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến vào từng nội dung cần lấy ý kiến;

+) Cách thức kiểm phiếu: Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, số phiếu đồng ý được thu/kiểm trước, số phiếu không đồng ý được thu/kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu đồng ý hay không đồng ý để quyết định;

+) Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu từng vấn đề làm việc của ĐHĐCĐ được Trưởng ban kiểm phiếu báo cho Chủ tọa Đại hội/Người điều hành biểu quyết thuộc Đoàn Chủ tọa đọc tại cuộc họp.

d. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, việc bầu được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

+) Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS. Cổ đông có quyền dồn hết toàn bộ tổng số phiếu bầu của mình cho một (01) hoặc một số ứng cử viên;

+) Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ phê duyệt theo từng thời kỳ (nếu có);

6. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ: Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười ngày) làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

7. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ: Biên bản họp ĐHĐCĐ phải thể hiện rõ các nội dung quy định tại Điều lệ và diễn biến của cuộc họp ĐHĐCĐ. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể được thay thế bằng hình thức đăng tải lên Website của Công ty.



8. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ: Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Công ty thực hiện gửi Nghị quyết bằng hình thức đăng tải lên Website của Công ty.

9. HĐQT hoặc người triệu tập họp ĐHĐCĐ sắp xếp chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ một cách hợp lý, bố trí thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ.

10. Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề kiểm toán.

11. Hàng năm, Công ty phải tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

12. Các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ Công ty.

**Điều 6: Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên:**

**1. Báo cáo hoạt động của HĐQT:**

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3, Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ;
- b. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- c. Kết quả đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT (nếu có);
- d. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có);
- e. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
- f. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- g. Các kế hoạch trong tương lai.

**2. Báo cáo hoạt động của BKS:**

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS theo quy định tại khoản 3, Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ;

- b. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của HĐQT;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác;
- e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông;

### Chương III:

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 7: Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT:

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ trên Website của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các vấn đề khác liên quan đến việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, gồm các nội dung chính sau:

- Tiêu chuẩn thành viên HĐQT: chi tiết tại Điều 151 Luật doanh nghiệp;
- Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử nhân sự vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty: chi tiết tại khoản 2, Điều 25, Điều lệ;
- Cách thức bầu thành viên HĐQT: khoản 3, Điều 144 Luật doanh nghiệp;



- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: chi tiết tại khoản 2, Điều 26 Điều lệ;

- Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT được quy định chi tiết tại Điều 30 Điều lệ, gồm các nội dung chính sau:

- Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho các thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp);

- Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;

- Cách thức biểu quyết;

- Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;

- Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

4. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền đề cử các ứng viên HĐQT. Việc đề cử ứng viên HĐQT mà các cổ đông có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Điều lệ. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.

#### **Điều 8: Tư cách thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty.

3. Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.



**Điều 9: Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT:**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên HĐQT hoặc không đủ số thành viên HĐQT tối thiểu theo quy định tại Điều lệ. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b. Số lượng thành viên HĐQT không điều hành giảm và không bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu bổ sung thành viên HĐQT mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

**Điều 10: Quyền của thành viên HĐQT:**

Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Điều 11: Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT:**

Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra các thành viên HĐQT có trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan;

2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi cao nhất của cổ đông và Công ty;

3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT (trừ các lý do bất khả kháng hoặc công tác) và có ý kiến rõ ràng đối với các vấn đề được đưa ra thảo luận tại phiên họp.

4. Báo cáo kịp thời và đầy đủ với HĐQT về các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.

5. Các thành viên HĐQT và người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và

1044  
TY  
I  
Đ  
HIỆP  
VAN  
T.H



thực hiện công bố thông tin về giao dịch này theo quy định của pháp luật.

**Điều 12: Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT:**

Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT được quy định tại Điều 27, Điều lệ, ngoài ra HĐQT có trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty;
2. HĐQT chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
3. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông và tôn trọng lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

4. HĐQT xây dựng các quy định, trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT và trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT gồm các nội dung chủ yếu sau:

a. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết ĐHĐCĐ:

- Tiêu chuẩn thành viên HĐQT;
- Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Cách thức bầu thành viên HĐQT;
- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.

b. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT:

- Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho các thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp);

- Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- Cách thức biểu quyết;
- Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;
- Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

5. HĐQT xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc Công ty và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và TGD và các người điều hành khác (Ban TGD), gồm các nội dung chính sau:

a. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ;

- Các tiêu chuẩn để lựa chọn Tổng giám đốc;
- Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc;
- Ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc;
- Các trường hợp miễn nhiệm Tổng giám đốc;
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc;

b. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Ban TGD:

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và ban TGD;

- Thông báo Quyết định của HĐQT cho Ban TGD và BKS;

- Các trường hợp Ban TGD và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT;

- Báo cáo của Ban TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Ban TGD;

- Các vấn đề Ban TGD phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT và BKS;

- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên Ban TGD và thành viên BKS theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

6. HĐQT có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban TGD và các người điều khác.

7. HĐQT có trách nhiệm báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHCĐ theo quy định tại Điều 6.1 Quy chế này.

**Điều 13: Cuộc họp Hội đồng quản trị:**

1. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi Quý 01 lần theo trình tự, thủ tục được quy định tại Điều lệ. Việc tổ chức cuộc họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu có liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

THI  
AOSU  
DI



2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết, rõ ràng, chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 14: Các tiểu ban thuộc HĐQT:**

1. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

**Điều 15: Người phụ trách quản trị Công ty:**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:



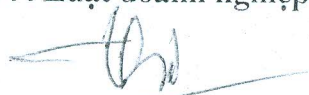
- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### Chương IV

#### BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

##### **Điều 16: Thành viên Ban kiểm soát:**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
  - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
  - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.
4. Các vấn đề khác liên quan đến việc ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên BKS, gồm các nội dung chính sau:
  - Tiêu chuẩn thành viên BKS: chi tiết tại Điều 164 Luật doanh nghiệp;
  - Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử nhân sự vào vị trí thành viên BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty: chi tiết tại Điều 39, Điều lệ Công ty;
  - Cách thức bầu thành viên BKS: khoản 3, Điều 144 Luật doanh nghiệp;



CÔNG TY CỔ PHẦN



- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS: chi tiết tại khoản 5, khoản 6, Điều 40 Điều lệ Công ty;

- Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS: việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

#### **Điều 17: Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát và BKS:**

##### **1. Quyền và nghĩa vụ của thành viên BKS:**

a. Thành viên BKS có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên HĐQT, TGD và các người điều hành khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên BKS.

b. Thành viên BKS có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

##### **2. Quyền và nghĩa vụ của BKS:**

Quyền và nghĩa vụ của BKS được quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và khoản 1, Điều 41, Điều lệ Công ty, ngoài ra BKS có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị ĐHCĐ phê chuẩn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp giữa BKS, HĐQT, TGD và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ của thành viên HĐQT, TGD và người điều hành doanh nghiệp khác phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại ĐHCĐ theo quy định tại Điều 6.2 Quy chế này.

#### **Điều 18: Cuộc họp của BKS:**

1. BKS họp định kỳ tối thiểu hai (02) lần một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất, số lượng thành viên tham dự các cuộc họp ít nhất là hai (02) người. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng kiểm soát viên.



2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Ban TGD và đại diện Công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.

## Chương VI

### NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

#### **Điều 19:** Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, BKS về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính cá nhân đó hoặc những người có liên quan của cá nhân đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các Nghị quyết/quyết định này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên HĐQT không được quyền biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 20:** Giao dịch với Người có liên quan:

1. Khi tiến hành giao dịch với Người có liên quan, Công ty phải ký hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công ty.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của



Công ty.

**Điều 21: Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này:**

1. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều này có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

## Chương VII

### BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Điều 22: Nghĩa vụ công bố thông tin:**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện trên Website của Công ty và các phương tiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

**Điều 23: Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty:**

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.
2. Trong trường hợp Công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

**Điều 24: Công bố thông tin về quản trị Công ty:**

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.



2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

**Điều 25: Công bố thông tin về thu nhập của Ban Tổng giám đốc:**

Tiền lương của Ban Tổng giám đốc phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 26: Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Ban Tổng giám đốc**

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 19 Quy chế này, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban TGD có trách nhiệm báo cáo HĐQT, BKS trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó các thành viên nêu trên là cổ đông sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Ban TGD trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, Ban TGD hoặc cổ đông lớn.

**Điều 27: Tổ chức công bố thông tin:**

1. Công ty phải xây dựng và ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Công ty phải có ít nhất một Người phụ trách công bố thông tin. Người phụ trách công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:
  - Công bố thông tin của Công ty với cổ đông và các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
  - Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

**Chương VIII**

**QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS VÀ BAN TGD**

**Điều 28: Quy định về đánh giá khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, BKS và Ban TGD:**

1. Căn cứ vào nội quy của Công ty, quy định về khen thưởng và kỷ luật của Công ty và căn cứ theo kết quả đánh giá của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Công ty, Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể và cá nhân thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác có thành tích trong công tác quản lý.
2. Khi phát sinh các sự việc sai phạm, vi phạm nội quy của Công ty, tùy theo mức độ vi



phạm của từng cá nhân, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Công ty sẽ xem xét hình thức kỷ luật và ban hành quyết định kỷ luật.

## Chương IX

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 29: Điều khoản thi hành:**

1. Quy chế này gồm 09 chương, 29 Điều, do Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hội đồng quản trị cùng Tổng giám đốc triển khai thực hiện, ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể, các biểu mẫu cần thiết theo nội dung Quy chế này, cập nhật các thay đổi của pháp luật để sửa đổi, bổ sung tương ứng nội dung Quy chế này cho phù hợp với tình hình thực tế các quy định của Luật doanh nghiệp, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và của pháp luật. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật tương ứng, quy định của pháp luật tương ứng sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Trưởng các Phòng, Ban chuyên môn, toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty và các đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Trung Thái